

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST

Ngày 06 - 01 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 đối với:

I. Bị cáo: Nhữ Thành T, sinh ngày 20/02/1999 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn P, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 07/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Bố đẻ: Nhữ Thành K (đã chết). Mẹ đẻ: Bùi Thị L1, sinh năm 1963. Chưa có vợ. Có 01 con sinh năm 2020 với chị Phùng Thị N, trú tại xã B, thị xã S, tỉnh Lào Cai (Bị cáo và chị N không đăng ký kết hôn, không khai sinh con tại địa phương).

Tiền án: Bản án số 99/2020/HSST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bồi thường cho bị hại 6.000.000 đồng. Ngày 02/02/2021 bị cáo chấp hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự và án phí.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

II. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Anh Trần Văn L**, sinh năm 1999.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T3, xã T4, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- **Anh Nguyễn Duy T1**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- **Anh Hoàng Đình T2**, sinh ngày 02/12/2004.

Địa chỉ: thôn P1, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thái Bình.

(Anh L vắng mặt, anh T1, anh T2 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2021, Nhữ Thành T vượt biên trái phép sang Campuchia lao động cho một công ty có chủ là người Trung Quốc, T được một người đàn ông tên Q2 là quản lý công ty cho biết công ty đang tìm người Việt Nam sang làm việc, công việc là sử dụng máy tính, điện thoại để tư vấn khách hàng tham gia các trang web của công ty, lương từ 700 đô la Mỹ (USD) đến 1500 USD/1 tháng, công ty nuôi ăn, ở và chi phí tiền đi sang Campuchia, ai có nhu cầu đi làm chỉ cần gửi ảnh chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân, công ty mua vé máy bay đi vào thành phố Hồ Chí Minh, sau đó đi theo hình thức vượt biên từ tỉnh Long An sang Campuchia, công ty cử người đón, đưa vượt biên. Nếu T tìm được người Việt Nam sang làm việc, công ty trả cho T 100 USD/người. Sau khi được Q2 trao đổi, T đã 02 lần tư vấn, tổ chức đưa 03 người sang Campuchia lao động trái phép, cụ thể:

- *Lần thứ 1:* Khoảng tháng 12/2021, T sử dụng tài khoản Facebook “Nhữ Hoàng Thanh T” đăng tải bài viết, hình ảnh thể hiện việc T có thể đưa người sang Campuchia làm việc với mức lương cao, không mất chi phí đi lại, được chủ nuôi ăn, ở, chỉ cần có Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân. Sau khi T đăng bài viết, anh Trần Văn L (là bạn T) đã liên hệ qua Facebook hỏi T về công việc, mức lương tại Campuchia thì T cho biết, công việc là sử dụng máy tính vào mạng tư vấn, rủ rê khách hàng đánh bạc trên các trang web hoặc tham gia các trang web bán hàng đa cấp của công ty, lương từ 700 USD đến 1500 USD/1 tháng, chủ nuôi ăn, ở và chi phí đi sang Campuchia. Hình thức đi theo đường tiểu ngạch, công ty mua vé máy bay để bay vào sân bay Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh, sau đó sẽ có người đón, đưa vượt biên sang Campuchia. Nếu anh L muốn vượt biên sang Campuchia lao động thì chụp ảnh Căn cước công dân gửi cho T, T sẽ đưa đi. Sau khi nghe tư vấn, anh L đồng ý. Anh L kể lại việc sẽ đi Campuchia lao động với anh Nguyễn Duy T1 (là bạn anh L), anh T1 muốn đi cùng anh L nên trong quá trình trò chuyện qua Facebook với T, anh L đã nhờ T đưa thêm anh T1 sang Campuchia lao động cùng. T đồng ý, trực tiếp

tư vấn, trao đổi với anh T1 về nội dung sang Campuchia lao động như đã trao đổi với anh L.

Sau khi tìm được người, T trao đổi lại với Q2, Q2 nói T hướng dẫn những người này gửi ảnh chụp Căn cước công dân qua Messenger cho T và T gửi lại cho Q2 để đặt mua vé máy bay. T thực hiện như Q2 nói, sau khi mua được vé Q2 gửi lại cho T và dặn mọi người kết bạn Facebook, Zalo với Q2 để được hướng dẫn liên hệ với người đưa vượt biên sang Campuchia. T gửi cho anh L, anh T1 hình ảnh vé máy bay và hẹn sáng ngày 17/12/2021 có mặt tại sân bay Nội Bài, thành phố Hà Nội để bay vào sân bay Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời gửi tài khoản Facebook, Zalo của Q2 để liên hệ. Anh L, anh T1 đi máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh sau đó được người của Q2 đến đón, đưa vượt biên trái phép sang Campuchia qua biên giới tỉnh Long An. Ngày 18/12/2021 anh L, anh T1 đến thành phố Shihanouk, Campuchia, được người phụ nữ tên N1 và người đàn ông tên Q2 dẫn đến làm việc cùng công ty với T. T được Q2 trả công đưa anh L và anh T1 sang Campuchia là 200 USD.

- *Lần thứ 2:* Cuối tháng 12/2021, anh Hoàng Đình T2 (là bạn T) nhắn tin qua Messenger hỏi T công việc, mức lương tại Campuchia thì T cho biết công việc, mức lương, hình thức đi như đã tư vấn cho anh L, anh T1. Nếu anh T2 đi thì chụp ảnh Căn cước công dân gửi cho T, chuẩn bị vài bộ quần áo mùa hè, T sẽ cho tiền đi. Anh T2 đồng ý, chụp ảnh Căn cước công dân, gửi số tài khoản ngân hàng cho T. T gửi ảnh Căn cước công dân và số tài khoản Ngân hàng của anh T2 cho Q2 để mua vé máy bay và nói Q2 chuyển 500.000 đồng cho anh T2. Q2 gửi hình ảnh vé máy bay cho T và nói đã chuyển tiền qua tài khoản cho anh T2. T gửi hình ảnh vé máy bay cho anh T2 dặn sáng ngày 25/12/2021 đến sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng mang theo Căn cước công dân để làm thủ tục bay vào sân bay Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh sẽ có người đón, đưa vượt biên sang Campuchia. Anh T2 thực hiện như lời T dặn, khoảng 14 giờ ngày 25/12/2021 vào đến sân bay Tân Sơn Nhất thông báo cho T, T trao đổi với Q2 thì được hướng dẫn gửi tài khoản Facebook, số điện thoại của anh T2 cho Q2, Q2 bố trí người đón, sau đó đưa vượt biên trái phép sang Campuchia qua biên giới tỉnh Long An. Đến sáng ngày 27/12/2021, anh T2 được người đàn ông tên M1 đưa đến làm cùng công ty với T, anh L, anh T1. T được Q2 trả công đưa anh T2 sang Campuchia là 100USD.

Do thấy công việc không phù hợp nên anh T1, anh T2 xin chủ công ty cho về nước, công ty yêu cầu anh T1 phải nộp phạt 92.000.000 đồng, anh T2 phải nộp phạt 105.000.000 đồng, các anh đã thông tin về gia đình để nộp tiền phạt bằng cách chuyển tiền vào số tài khoản do người của công ty thông báo.

Ngày 04/01/2022, anh T1 về nước, ngày 11/01/2022 anh T2 về nước, khi về đến Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh bị Đồn Biên phòng Cửa khẩu

quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không xuất trình hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Đến tháng 3/2022, T xin nghỉ việc về nước, công ty yêu cầu nộp phạt 90.000.000 đồng, T nộp phạt rồi về nước. Ngày 17/03/2022, T về đến Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh bị Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không xuất trình hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Hiện tại anh L vẫn đang lao động tại Campuchia. Ngày 01/7/2022 anh Hoàng Đình T2 đến Công an tỉnh Thái Bình trình báo sự việc.

*** Cáo trạng số 86/CT-VKSTB ngày 21/11/2022** của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Nhữ Thành T về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo trình bày do thiếu hiểu biết pháp luật, bị người đàn ông tên Q2 dụ dỗ, lôi kéo nên đã giúp sức cho Q2 đưa các anh L, T1, T2 đi ra nước ngoài trái phép. Bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

- Anh T1, anh T2 trình bày về hành vi phạm tội của bị cáo T như bị cáo đã khai tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nhữ Thành T phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 349, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nhữ Thành T từ 06 năm tù đến 07 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có tương đương 300 USD để nộp Ngân sách nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về nuôi con nhỏ và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, của

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Công văn số 722/PA08 ngày 11/8/2022 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp: Nhữ Thành T, Hoàng Đình T2, Nguyễn Duy T1, Trần Văn L không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh (bút lục số 288);

- Công văn số 524/VJC-AVSEC ngày 18/7/2022 của Công ty cổ phần hàng không Vietjet cung cấp danh sách hành khách đi trên chuyến bay VJ141 từ Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/12/2021 (bút lục số 313 đến số 317);

- Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Đoàn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh: số 1319/QĐ-XPHC ngày 14/01/2022 xử phạt Nguyễn Duy T1 1.250.000 đồng (bút lục số 297); số 1399/QĐ-XPHC ngày 15/01/2022 xử phạt Hoàng Đình T2 625.000 đồng (bút lục số 305); số 6178/QĐ-XPHC ngày 17/03/2022 xử phạt Nhữ Thành T 1.250.000 đồng (bút lục số 307);

- Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Đình T2; anh Nguyễn Duy T1 (bút lục từ số 127 đến số 146; từ số 181 đến số 201);

- Lời khai của chị Điều Thị D1, sinh năm 1997, trú tại thôn T3, xã T4, huyện H, tỉnh Thái Bình (vợ anh Trần Văn L) (bút lục số 233 đến số 234);

- Cùng các tài liệu, chứng cứ khác.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong tháng 12 năm 2021, Nhữ Thành T có hành vi tư vấn, tổ chức 02 lần cho 03 người gồm: Anh Trần Văn L, Nguyễn Duy T1, anh Hoàng Đình T2 vượt biên trái phép từ Việt Nam qua biên giới thuộc địa phận tỉnh Long An để trốn sang Campuchia lao động trái phép. Bị cáo được hưởng lợi 300 USD.

Bị cáo Nhữ Thành T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi.

Vì vậy bị cáo Nhữ Thành T đã phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

“Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép

1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định Nhà nước về quản lý dân cư, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội khi có 01 tiền án chưa được xóa án tích vì vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[5] Về mức hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để bị cáo nhận thức rõ sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo có nhiều khó khăn, bố bị cáo đã chết, bị cáo có con với người phụ nữ khác nhưng không đăng ký kết hôn, hiện tại người phụ nữ đó đã bỏ đi để lại con nhỏ sinh năm 2020 cho mẹ bị cáo nuôi dưỡng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Các vấn đề khác:

- Số tiền bị cáo phạm tội mà có là 300 USD, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, tuy nhiên cần quy ra tiền Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 23.605.000 đồng/1 USD (Thông báo số 05/TB-NHNN ngày 06/01/2023).

- Quá trình điều tra, Nhữ Thành T khai còn tư vấn, tổ chức cho anh Bùi Chi Hoài T5, địa chỉ xã B, thị xã S, tỉnh Lào Cai vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Campuchia lao động trái phép, anh T5 đi cùng chuyến bay với anh L và anh T1 ngày 17/12/2021, được Q2 trả công 100USD. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã Ủy thác điều tra cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai tiến hành xác minh đối với Bùi Chi Hoài T5 kết quả không có trường hợp nào tên Bùi Chi Hoài T5 có hộ khẩu thường trú tại xã B, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Do không xác định được thông tin cá nhân, địa chỉ cụ thể, không lấy được lời khai của anh T5, người nhà anh T5 nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý.

- Đối với T, anh T1, anh T2 khai làm việc tại một Công ty chủ người Trung Quốc, công việc tư vấn khách hàng nạp tiền chơi đánh bạc trên các trang web và tham gia các trang web bán hàng đa cấp của công ty nhằm chiếm đoạt tiền của người khác. Tuy nhiên tài khoản mạng xã hội T sử dụng để chiếm đoạt tài sản do các đối tượng ở Campuchia quản lý, T không biết đã chiếm đoạt tài sản của những ai, ở đâu; không biết cụ thể địa chỉ công ty, tên, tuổi địa chỉ của người chủ công ty. Anh T1, anh T2 nhận thức được công việc trên là vi phạm pháp luật nên không làm, chưa tư vấn được khách hàng nào, sự việc diễn ra ở Campuchia nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Bình không có thẩm quyền điều tra, không có căn cứ để xử lý.

- Đối với người đàn ông Trung Quốc là chủ công ty, người đàn ông tên Q2, M1 và người phụ nữ tên N1 cùng một số người đàn ông người Việt Nam, người Campuchia mà bị cáo T, anh T1, anh T2 khai những người này bố trí người đưa, đón họ vượt biên trái phép. Quá trình điều tra bị cáo T, anh T1, anh T2 không biết họ tên, tuổi, địa chỉ của các đối tượng này nên Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

- Đối với tài khoản số 050115447723 Ngân hàng Sacombank là tài khoản mà gia đình anh T2 và bị cáo T chuyển tiền đến nộp phạt để được về Việt Nam. Quá trình điều tra, xác minh chủ tài khoản là anh Hồ Quang M2, sinh ngày 12/04/1998, trú tại số X, khu Y, ấp T6, xã S1, huyện T7, tỉnh Đồng Nai, anh Hồ Quang M2 không có mặt tại địa phương, hiện đang lao động tại Campuchia nhưng không rõ địa chỉ. Cơ quan An ninh điều tra đã có văn bản gửi Công an tỉnh Đồng Nai xác minh làm rõ, khi có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với tài khoản số 7610162271979 Ngân hàng quân đội (MB) là tài khoản gia đình anh T1 chuyển tiền nộp phạt để được trở về Việt Nam (nội dung giao dịch ghi chuyển cho Lê Thị N1). Quá trình điều tra, xác minh chủ tài khoản

là anh Bùi Đình T7, sinh ngày 22/7/1979, trú tại xã L2, huyện L3, tỉnh Bắc Giang, anh T7 làm dịch vụ chuyển tiền, có quen người phụ nữ tên N1 quê Hải Phòng không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Ngày 03/01/2022, N1 có liên hệ qua Zalo nhờ T7 nhận tiền 2 lần tổng là 92.000.000 đồng, do anh T7 làm dịch vụ chuyển tiền, sau khi nhận tiền anh T7 đã chuyển tiền vào nhiều tài khoản theo sự hướng dẫn của N1, đến nay không nhớ chuyển vào tài khoản nào, của ai (không có tài khoản mang tên N1). Tháng 7/2022, N1 hủy tài khoản Zalo nên T7 không liên hệ và không biết N1 làm gì, ở đâu do vậy Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Về tội danh:** Tuyên bố: bị cáo Nhữ Thành T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

[2] **Về hình phạt:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 349; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nhữ Thành T 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/7/2022.

[3] **Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 7.081.000 (bảy triệu không trăm tám mươi một ngàn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[4] **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nhữ Thành T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Nhữ Thành T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/01/2023.

Nơi nhận:

- Cơ quan An ninh Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Thái Bình.
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình